

BẢO TỒN TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN HÙNG VƯƠNG TRONG KHÔNG GIAN VĂN HÓA HÙNG VƯƠNG

THS. TRẦN THỊ TUYẾT MAI*

1- Truyền thuyết dân gian về Hùng Vương và lễ hội - những ký ức về thời đại Hùng Vương

Thời đại Hùng Vương là thời đại có thật trong lịch sử tồn tại và phát triển của dân tộc nhưng chưa có chính sử ghi chép lại một cách đầy đủ, vì thế kho tàng truyền thuyết dân gian về thời kỳ này chiếm vị trí rất quan trọng. Truyền thuyết dân gian là linh hồn sống động, góp phần tạo nên diện mạo văn hóa Hùng Vương và cũng là nhịp cầu nối quan trọng kết nối giữa các thế hệ hôm nay với truyền thống tốt đẹp của ông cha. Mặc dù truyền thuyết dân gian còn có những nét mộc mạc, dung dị không cầu kỳ nhưng đã phản ánh đa dạng về cuộc sống sinh hoạt và truyền thống đạo lý tốt đẹp của cha ông từ ngàn đời xưa.

Trong truyền thuyết, Hùng Vương sống gần dân, vì dân, rất dân dã đời thường, bởi vậy trong không gian kinh đô Văn Lang xưa (nay là địa bàn thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ) hiện còn rất nhiều địa danh gắn với truyền thuyết phản ánh tập tục, đời sống sinh hoạt, lao động... thời Hùng Vương: cung điện của Hùng Vương thuộc thôn Việt Trì (khu di tích khảo cổ làng Cả - nay thuộc phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì); gò Tiên Cát là nơi Hùng Vương sai dựng lầu kén rể, hình thành câu chuyện truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh; khu cung/lầu Hùng Vương và vợ con ở có 15 sở là: lầu Thượng, lầu Hạ, lầu Nam, lầu Rộng, gác Thượng, lầu Thần, gác Nguyệt, lầu Trên,

lầu Dưới, lầu Tả, lầu Hữu, lầu Long Tú, lầu Long Hương, lầu Thiên Bảo, lầu Nhật Trung Đình (nay thuộc xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì); lầu Phượng bên bờ sông Lô để Hùng Vương hóng mát và xem thuyền bè xuôi ngược (nay thuộc xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì); nhà Thái miếu - nơi Hùng Vương thờ tổ tiên, sau lập ra làng Thanh Miếu - nay thuộc phường Thanh Miếu - thành phố Việt Trì; tháp Long (nay thuộc xã Kim Đức - thành phố Việt Trì) là nơi các Lạc hầu ở; thôn Cẩm Đội (nay thuộc xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì) đặt trại huấn luyện quân sỹ; đồng Lú (nay thuộc phường Minh Nông, thành phố Việt Trì) là ruộng của Hùng Vương, dùng dạy dân làm ruộng Lạc, cấy lúa chiêm; chợ Lú, do Hùng Vương lập ra để mua bán thóc gạo; gò Mã Lao là nơi Hùng Vương nghỉ ngựa khi đi săn; đồi Hòa Phong (nay thuộc phường Nông Trang, thành phố Việt Trì) là nơi để kho thóc và chứa rơm của Hùng Vương; xứ đồng Hương Trầm (nay thuộc phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì) là nơi hoàng tử Lang Liêu cấy nếp thơm làm bánh chưng, bánh dày dâng tiến Hùng Vương; cũng tại đây có Vườn trâu; làng Thận Thịnh (nay thuộc phường Văn Phú, thành phố Việt Trì) là nơi dân giã gạo để dâng vua; làng Khang Phụ (xã Chu Hóa), làng Cổ Tích (xã Hy Cương) có phần mộ của Hùng Vương...

Các truyền thuyết dân gian thời Hùng Vương đã ăn sâu, bắt rễ trong đời sống tinh thần của nhân dân. Mỗi làng, xã... đều lưu truyền những truyền thuyết dân gian thật hấp dẫn và sinh động về hình ảnh một ông vua

* CỤC VĂN HÓA CƠ SỞ



Múa Tứ dân - Lễ hội Hùng Vương - 2011 - Ảnh: C.T.V

dân dã, đời thường. Cụ Nguyễn Văn Hiếu, thôn Phượng Lâu, xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ kể về truyền thuyết Hát Xoan như sau:

Vợ vua Hùng mang thai, tới ngày sinh nở cứ đau bụng mãi mà chưa sinh được. Người hầu tâu rằng: có nàng Quế Hoa xinh đẹp, múa giỏi, hát hay nên đón về múa hát có thể làm cho hoàng hậu đỡ đau và sinh nở được. Hoàng hậu nghe lời, cho mời nàng Quế Hoa tới (Quế Hoa ở thành Phong Châu). Vâng lời triệu, nàng Quế Hoa đến chầu hoàng hậu. Bấy giờ, hoàng hậu đang lên cơn đau đẻ dữ dội mới bảo nàng Quế Hoa đứng trước giường múa hát. Quế Hoa hát hay, múa dẻo, hoàng hậu mãi xem múa hát không thấy đau, sinh được 3 người con trai khôi ngô tuấn tú. Khi ấy đang mùa xuân, vua Hùng hết lời khen ngợi nàng Quế Hoa và sai các Mỹ nương học lấy các điệu múa hát đó, sau này gọi là hát Xoan-Xoan là từ gọi chệch tiếng Xuân (vì hoàng hậu tên thật là Xuân), do tục kiêng kỵ tên húy nên hát Xuân được gọi là hát Xoan.

Nhà nghiên cứu sử học địa phương Vũ Kim Biên, hiện đang sinh sống tại khu Hợp Hải, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì dựa theo sách *Linh Nam chích quái* (thế kỷ XV) kể lại những truyền thuyết như sau:

Truyền thuyết bánh chưng, bánh dày

Sau khi Hùng Vương phá được giặc Ân, nhân khi quốc gia vô sự, vua muốn truyền ngôi lại cho con, bèn triệu 22 vị quan lang và công chúa lại phân rằng: "Ta muốn truyền ngôi cho con nào làm ta vừa ý. Cuối năm nay cùng mang trần cam, mỹ vị đến để cúng tiến tiên vương, cho ta được tròn đạo

hiếu, thì sẽ được ta truyền ngôi". Các con đều đua nhau đi tìm của ngon, vật lạ khắp trên rừng, dưới biển nhiều không sao kể hết. Duy có vị hoàng tử đời thứ 18 là Lang Liêu, bà mẹ xưa vốn bị vua ghê lạnh vì cô đơn mà chết, tả hữu ít người giúp đỡ, khó xoay sở nên đêm ngày lo lắng, mộng mị bất an. Một đêm kia mộng thấy có thần nhân tới mách rằng: "Các vật trên trời đất và mọi của quý của người ta không gì bằng gạo. Gạo có thể nuôi người khỏe mạnh, mà ăn không chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm cái bánh hình vuông, hình tròn để tượng trưng cho trời đất, rồi dùng các lá bọc ngoài, ở trong cho ngũ vị để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ". Lang Liêu tỉnh dậy mừng rỡ nói rằng: "Thần nhân giúp ta vậy". Nói rồi theo lời dặn trong mộng mà làm. Chọn thứ gạo nếp trắng tinh, hạt tròn và mẩy không bị vỡ, vo thật sạch, lấy lá xanh bọc thành hình vuông, cho trần cam mỹ vị vào bên trong để tượng trưng cho trời đất vạn vật, rồi nấu chín. Lại lấy xôi già cho nát, nặn thành hình tròn tượng trưng cho trời gọi là bánh dày.

Đến kỳ hẹn, vua vui vẻ truyền các con bày vật tiến lên. Xem qua khắp lượt thấy không thiếu thứ gì. Thấy Lang Liêu chỉ tiến dâng bánh chưng và bánh dày, vua kinh ngạc hỏi,

Lang Liêu đem giấc mơ thuật lại. Vua nếm thử thấy ngon miệng không chán, hơn hẳn các thứ khác của các hoàng tử còn lại, tấm tắc khen hồi lâu rồi cho Lang Liêu được nhất. Đến ngày tết, vua thường lấy hai loại bánh này dâng cha mẹ, thiên hạ từ đó bắt chước làm theo. Vua bèn truyền ngôi cho Lang Liêu. Anh em 21 người đều được chia giữ các phiên trấn. Về sau các tướng xảy ra chuyện tranh giành nhau, thường dựng mộc sáo (hàng rào bằng gỗ) để phòng bị, cho nên từ đó mới có sáo, thôn, trang, phường.

Truyền thuyết hát Xoan và truyền thuyết bánh chưng, bánh dày đã được nhân dân làng Kim Đức - xã Kim Đức - thành phố Việt Trì hiện thực hóa trong đời sống sinh hoạt thông qua lễ hội mùa xuân hàng năm. Lễ hội hát Xoan thường được diễn ra vào mùa xuân tại làng Kim Đức, làng Lâu Thượng... vào mùa xuân, từ mồng 1 đến mồng 5 tết, đây là lối hát cửa đình thể hiện dân ca nghi lễ; diễn xướng trong dân ca Xoan bao gồm cả nói, kể, ca hát, diễn trò, múa hát và trong hát Xoan hàm chứa phong tục thờ thần/Thành hoàng, ghi nhớ công ơn của người xưa, được thể hiện trong sự khẩn nguyện. Nghi lễ hát Xoan gồm 2 phần: hát trong cửa đình (phần lễ), hát ngoài cửa đình (hát hội sau khi đã kết thúc phần hát thờ).

Sau lễ hát Xoan, nhân dân thường mở hội thi giã bánh dày và gói bánh chưng, hai thứ bánh này là lễ vật không thể thiếu được trong mỗi gia đình Việt Nam để thờ cúng tổ tiên, đồng thời ghi nhận tấm lòng thơm thảo của hoàng tử Lang Liêu hiếu nghĩa đã làm nên thứ bánh ngon và đầy ý nghĩa dâng hiến vua Hùng và được truyền ngôi kế vị.

Lễ hội thường diễn ra tại cửa đình với vợ chồng Lang Liêu và dân làng. Đội giã bánh gồm 12 người chưa vợ, chưa chồng, với đạo cụ và nguyên liệu là chày, cối đá, gạo nếp cái, đỗ xanh và lá dong xanh; đội thi gói bánh chưng gồm 8 nam thanh nữ tú chưa vợ, chưa chồng, với đạo cụ và nguyên liệu là nồi nấu bánh, gạo nếp cái, đỗ xanh, thịt lợn, lá dong xanh. Khi làm bánh xong, vợ chồng Lang Liêu cùng bà con dân làng đội bánh vào dâng lễ tại đình làng. Hiện nay tục thi gói bánh chưng, thi giã bánh dày hàng năm được tổ chức tại lễ hội đền Hùng, với nhiều đội thi đến từ nhiều

huyện trong tỉnh Phú Thọ và các tỉnh bạn trong cả nước.

Truyền thuyết vua Hùng dạy dân cấy lúa

"Đức Lạc Long Quân dạy dân việc cấy cây, nông tang, đặt ra các đẳng quân thần tôn ti, các đạo cha con, vợ chồng"... Chỗ vua ở, phần lớn đất đai là những cánh đồng ngập nước, không mấy khi cạn hẳn để có thể gieo giống. Ngài nghĩ ra cách lấy cây lúa non cấy xuống ruộng nước, thấy có kết quả tốt, ngài bèn dạy cho dân làm theo, nhưng ngài sớm chia tay với vợ là Âu Cơ để về thủy phủ, vì vậy cách làm ruộng do ngài dạy dân chưa sâu rộng. Đến đời các vua Hùng tiếp tục công việc đó, vua giữ lại một xứ đồng ở kinh đô để tự làm, gọi là đồng Lú (nay thuộc phường Minh Nông, thành phố Việt Trì). Vua Hùng lấy đồng Lú làm nơi dạy dân gieo hạt lúa thành cây mạ, rồi đem cây mạ cấy xuống ruộng, cách làm này thích hợp với đồng chiêm. Nhờ vậy thu được nhiều thóc, dân có cơm ăn. Riêng thóc thu được của vua ở đồng Lú ngày càng nhiều. Cảnh đồng Lú, vua cho lập kho chứa thóc ở Nông Trang (nay thuộc phường Nông Trang, thành phố Việt Trì), chất rơm ở đồi Rơm, dựng chuồng trâu ở đồi Phân Dù, mở chợ mua bán thóc gạo gọi là chợ Lú (chợ Lúa). Vua còn quan sát bầu trời, thấy chòm sao Thần Nông ở phía Tây Nam vào đêm rằm tháng Tám mà sáng tỏ thì vụ lúa chiêm ấy được mùa, nên lập đàn cầu cúng bên bờ ruộng. Nhân dân ta nhớ công ơn của họ Hồng Bàng khai sáng ra nghề trồng lúa nước nên tôn các ngài làm Thần Nông. Thời phong kiến viết ngọc phả 18 đời vua Hùng, nói vua đầu là cháu 3 đời Viêm Đế Thần Nông (vị thần nông nghiệp). Hiện nay ở làng Lú vẫn còn đàn thờ Thần Nông. Trước Cách mạng tháng Tám (1945), cứ đến ngày 1/11 Âm lịch hàng năm, các bô lão đem lễ vật ra đàn Thần Nông tế lễ. Tế xong, ông chủ tế đóng giả vua Hùng, được che lọng, lội xuống thửa ruộng cấy theo, có cử nhạc bát âm và cho trẻ con té nước, đó là hèm cầu "vua Hùng dạy dân cấy lúa".

Từ câu chuyện dân gian vua Hùng dạy dân cấy lúa đã hình thành lễ hội Tịch điền tại làng Lú (Minh Nông). Lễ hội Tịch điền được tổ chức mỗi năm 2 kỳ (ngày 1 tháng 6 và ngày 1 tháng 11 Âm lịch); cứ đến đầu mùa cấy thì nhân dân

Minh Nông làm lễ tế vua Hùng tại đàn Tịch điền. Theo lệ, nhân dân chọn một cụ cao niên khỏe mạnh, gia đạo song toàn làm chủ tế. Sau khi dâng lễ vật, chủ tế vái Thần Nông và đọc bài văn tế. Kết thúc bài văn tế làm lễ xuống đồng. Chủ tế đóng vai vua Hùng, xắn quần, cầm bó mạ lội xuống ruộng cấy hết bó mạ thì dân làng tiếp tục xuống cấy. Khi cấy xong thửa ruộng, chủ tế làm lễ tạ ơn Thần Nông và trở về đình làng làm lễ tạ Thành hoàng. Lễ hội mang đậm bản sắc của nền văn minh nông nghiệp, phản ánh một tập quán tốt đẹp có từ ngàn xưa về hình tượng một vị vua bước chân xuống ruộng dạy nhân dân cấy lúa, làm ăn duy trì cuộc sống.

Truyện thuyết quả dưa hấu

Thời Hùng Vương có viên quan tên là Mai An Tiêm vốn người ngoại quốc, khi lên 8 tuổi được vua mua từ thương thuyền về làm nô bộc. Khi lớn lên, diện mạo đoan chính, nhớ thuộc sự vật, vua ban tên là Mai Yển hiệu là An Tiêm và ban cho một người thiếp. Tiêm sinh được một trai, một gái. Vua rất tin yêu, giao cho công việc, dần dần trở lên phú quý, bổng lộc rất nhiều. Về sau An Tiêm sinh ra kiêu căng ngạo mạn, thường nói rằng: “Đó là do thần dân của ta, không phải do ơn chúa”. Vua nghe nói bực giận, phán rằng:

“Làm thần tử của người mà kiêu căng ngạo mạn, không biết ơn chúa, lại nói là do tiên thân. Nay đưa nhà ngươi ra một nơi hoang vu không có ai, ở giữa bể, xem còn có tiên thân nữa không”.

Vua đẩy ra ngoài cửa bể Nga Sơn (còn gọi là Giáp Sơn), bốn bể toàn cát trắng và nước, ban cho một số lương thực đủ ăn bốn năm tháng, để cho con ăn hết thì chết. Vợ An Tiêm khóc, Tiêm cười mà bảo: “Trời đã sinh ra ta tất nuôi nổi ta, sống chết bởi trời, ta đâu có sợ, nàng cũng không cần lo lắng nữa”. Bỗng thấy một con trĩ trắng từ phương Tây bay lại đậu ở đầu núi bên kè ba bốn tiếng, hạt dưa theo tiếng kè mà rơi xuống cát. Ít lâu sau, hạt nảy mầm mọc lên xanh rì, rồi kết thành quả. An Tiêm mừng rỡ mà nói: “Đây không phải vật lạ, mà là trời cho để nuôi ta đó”, bèn bới ra ăn, thấy vị thơm ngon, tinh thần sảng khoái, mới giữ lấy hạt, năm sau đem trồng. Ăn không hết lại đem đổi lấy gạo, muối nuôi vợ con. Tiêm

Trần Thị Tuyết Mai: *Bảo tồn truyền thuyết...*

không biết gọi là quả gì, nhưng thấy chim trĩ trắng từ phương Tây bay lại nên gọi là quả tây qua. Phường chài, phường buôn ăn quả tây qua đều khen ngon, những người ở thôn xóm xa đều mua để lấy giống. Sau vua nhớ tới Tiêm, sai người đi tìm xem còn sống hay đã chết. Người đó về tâu với vua là vợ chồng, con cái An Tiêm vẫn khỏe mạnh, đảo trồng toàn dưa, thuyền bè lui tới vui vẻ. Vua thở dài mà than rằng: “Hắn nói là do ở tiên thân, điều đó thực không ngoa”. Bèn xuống chiếu cho gọi về phục hồi chức cũ, lại cấp cho nô bộc, sai đem giống dưa hấu dạy dân cách trồng trọt, vì vậy nhiều làng hai bên bờ sông Lô biết trồng thứ quả này. Do sự tích này mà làng Đôn Mục thờ ông Lữ Gia, khi tế thần mỗi người đem ra đình một mâm xôi trên đặt quả dưa hấu để cúng tế.

2- Giá trị của truyền thuyết dân gian

Truyện thuyết dân gian Hùng Vương luôn tồn tại, đồng hành cùng những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc Việt Nam, đã góp phần xây dựng truyền thống yêu nước, thương dân, hình thành cốt cách tâm hồn con người Việt, hàm chứa những khát vọng về cuộc sống của cư dân Văn Lang với nền văn minh sông Hồng - văn minh trồng lúa nước.

Truyện thuyết dân gian Hùng Vương ra đời phản ánh trình độ phát triển cao của cư dân nông nghiệp Văn Lang thể hiện qua xây dựng, kiến trúc, luyện binh chống kẻ thù xâm lăng, chế biến lương thực, thực phẩm (làm bánh), nghệ thuật diễn xướng (hát Xoan) và đặc biệt đã hình thành lễ thức thờ cúng tổ tiên, hình thành chế độ tộc quyền cha truyền con nối, đạo nghĩa cha con, vợ chồng... Truyện thuyết dân gian phản ánh một sự tiến bộ vượt bậc từ kinh tế làm nương phát rẫy sang nền kinh tế trồng lúa nước.

Truyện thuyết dân gian Hùng Vương ghi nhớ công ơn của các triều đại Hùng Vương, đặc biệt nó đã hóa thân vào cuộc sống đời thường của những nhân vật lịch sử gắn bó với cuộc sống đời thường của nhân dân thông qua những phong tục tập quán trong nghi lễ, tín ngưỡng, hôn nhân... thể hiện phép ứng xử, lễ tết, ngày hội... của cộng đồng. Đó cũng chính là tính chất nhân văn trong đời sống tâm linh của người Việt để chuyển tải thông điệp sống cao quý của người xưa tới thế hệ hôm nay.

Truyền thuyết dân gian Hùng Vương có vị trí trong không gian văn hóa Hùng Vương bởi nó đã hiện thực hóa cuộc sống rất sinh động bằng những việc làm, nghĩa cử rất bình dị, gần gũi với đời sống thường nhật của nhân dân, phản ánh lịch sử dựng nước và giữ nước của ông cha ta. Từ trong truyền thuyết, hình ảnh các vị vua đều là những người thuần hậu, chất phác trong cộng đồng làng xã, cộng đồng quốc gia, phản ánh những ước nguyện của người lao động vì cộng đồng, vì vậy nó có sức sống mạnh mẽ trong công chúng.

Truyền thuyết dân gian Hùng Vương có nội dung giáo dục sâu sắc đối với con người về phép ứng xử gia đình, xã hội, là sự gắn kết cộng đồng làng/nước, thể hiện mối quan hệ tổng hòa giữa con người với con người, con người với xã hội, con người với thiên nhiên, đồng thời là nền tảng để hình thành hệ thống lễ hội dân gian giàu bản sắc văn hóa của thời đại Hùng Vương.

Hiện nay, sự bùng nổ của thông tin và sự xâm nhập của văn hóa bên ngoài đang tác động mạnh vào đời sống cộng đồng. Thị hiếu cảm nhận văn hóa có sự thay đổi, vốn truyền thuyết dân gian đang đứng trước thách thức có nguy cơ mai một, chúng ta phải luôn chủ động để tìm ra biện pháp hữu hiệu nhằm bảo tồn vốn di sản văn hóa vô cùng quý báu này.

3- Một số giải pháp bảo tồn

Truyền thuyết dân gian Hùng Vương ra đời từ cộng đồng, nhân dân là chủ thể sáng tạo và lưu giữ vốn văn hóa phi vật thể vô cùng quý báu này, do vậy môi trường cộng đồng cũng chính là môi trường để duy trì, nuôi dưỡng, tái tạo, hồi sinh truyền thuyết dân gian tốt nhất. Chúng ta đang phấn đấu để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên cơ sở bảo tồn, phát huy những vốn văn hóa cổ truyền tốt đẹp nhất của dân tộc. Bảo tồn và phát huy văn hóa Hùng Vương trong giai đoạn hiện nay và tương lai đang đặt ra với tầm nhìn chiến lược cả bề rộng và chiều sâu, với nhiều nội dung và phương thức. Vấn đề đặt ra là, chúng ta phải bảo tồn và phát huy như thế nào vốn truyền thuyết dân gian này khi chúng ta đang chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Xuất

phát từ nghiên cứu thực tiễn, theo chúng tôi cần có một số giải pháp bảo tồn sau:

Thứ nhất, trên cơ sở xác định, bảo tồn không gian văn hóa Hùng Vương để xúc tiến khai thác tiềm năng kinh tế du lịch của tỉnh Phú Thọ. Cần tái tạo truyền thuyết Hùng Vương thông qua các công trình nghệ thuật, văn hóa. Hiện tại, tốc độ đô thị hóa của thành phố Việt Trì đang diễn ra với tốc độ cao, một số địa danh gắn với nhiều truyền thuyết như phường Tiên Cát, phường Nông Trang, phường Dữu Lâu, phường Minh Nông..., hiện đang là đơn vị hành chính trung tâm thành phố, với mật độ dân cư lớn và tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh nhất, do đó, khi xác định không gian văn hóa Hùng Vương cần đặc biệt chú trọng đến những địa điểm có liên quan đến truyền thuyết Hùng Vương, phải quy hoạch tổng thể và ưu tiên dành quỹ đất tại những địa điểm này để tái tạo những công trình văn hóa, nghệ thuật, đưa truyền thuyết vào hiện thực cuộc sống thông qua những không gian thiêng, như mô phỏng, tái tạo lầu Kén rế của Hùng Vương tại phường Tiên Cát, phục dựng Vườn trâu, duy trì cánh đồng trồng nếp thơm của hoàng tử Lang Liêu tại phường Dữu Lâu, bảo tồn đồng Lú (tại phường Minh Nông) - nơi vua Hùng dạy dân cấy lúa... nhằm tạo sức hấp dẫn du khách, đồng thời bảo tồn được giá trị văn hóa trong mỗi truyền thuyết dân gian.

Thứ hai, tiếp tục sưu tầm truyền thuyết dân gian thông qua các nghệ nhân, những bậc cao niên trong vùng và ngoại tỉnh. Tiến hành điều tra, sưu tầm, thu thập truyền thuyết Hùng Vương bằng văn tự, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh làm cơ sở để phục hồi truyền thuyết dân gian đã bị mai một, những nghi thức đã bị thất truyền và có nguy cơ thất truyền... Có phương án lưu giữ, bảo tồn tư liệu bằng các phương tiện hiện đại như thu băng, ghi đĩa để lưu trữ, bảo quản lâu dài; đồng thời chuyển tải truyền thuyết dân gian bằng các loại hình sân khấu hoá, nghệ thuật hóa để trình diễn, giới thiệu quảng bá, lưu giữ và truyền dạy cho các thế hệ mai sau thông qua các hoạt động văn hóa mang tính chuyên nghiệp và không chuyên, như hội diễn, hội thi kể chuyện về truyền

thuyết dân gian trong những dịp lễ hội, sinh hoạt văn hóa làng, xã... Truyền thuyết dân gian chỉ có linh hồn và sức sống khi chính cộng đồng là người vừa sáng tác, vừa lưu giữ và trình diễn. Cõi truyền thuyết dân gian là đặc sản văn hóa Hùng Vương để giới thiệu và quảng bá với du khách trong nước và quốc tế tại lễ hội đền Hùng hàng năm và các địa phương đang thờ Hùng Vương.

Thứ ba, truyền thuyết dân gian có tác động sâu sắc đến tình yêu quê hương đất nước, gợi mở sự hiểu biết về nguồn gốc tổ tiên, do đó cần đưa truyền thuyết dân gian Hùng Vương vào giáo dục trong nhà trường ở mọi cấp độ giáo dục. Nội dung cần chọn lựa để phù hợp với tâm lý, lứa tuổi và từng cấp học. Từng bước đa dạng hóa hình thức dạy và học như thông qua chuyện kể, thông qua học nhạc và chương trình ngoại khóa - diễn dã đi thực tế tại vùng đất tổ để học sinh hiểu và có tư duy tìm về nguồn cội ông cha và dân tộc mình.

Thứ tư, với mục đích chung là bảo tồn và phát huy vốn văn hóa truyền thuyết dân gian Hùng Vương, chúng ta phải hiểu được những cái hay, cái đẹp, tính nhân văn cao cả trong mỗi truyền thuyết dân gian để có tư duy và tình cảm tìm đến để nhân lên những cái hay, cái đẹp và mặt tích cực của cha ông để lại. Có đầu tư nghiên cứu về lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của truyền thuyết dân gian Hùng Vương và vai trò ảnh hưởng của nó đối với phong tục, tập quán, lối sống và nếp nghĩ của con người trong đời sống văn hóa cộng đồng. Khai thác các trò chơi, trò diễn độc đáo, trên cơ sở đó tuyên truyền, phổ biến nhằm phát huy những mặt tích cực của truyền thuyết để làm giàu thêm kho tàng văn hóa Hùng Vương.

Thứ năm, phục dựng và bảo tồn những lễ hội dân gian gắn với truyền thuyết Hùng Vương, như lễ hội Tịch điền, lễ hội hát Xoan, tục thi gói bánh chưng, thi giã bánh dày và các lễ hội liên quan đến thời đại Hùng Vương... cả về nội dung và hình thức, tạo thêm sự phong phú cho lễ hội đền Hùng. Kiên quyết để phòng và bài trừ những biểu hiện tư tưởng đi ngược lại với các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, lợi dụng lễ hội dân gian để hoạt động mê

tín dị đoan, lợi dụng tín ngưỡng thờ Hùng Vương để gây diễn biến tâm lý, chia rẽ gây mất đoàn kết dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Truyền thuyết dân gian Hùng Vương là sản phẩm văn hóa ra đời được kết tinh từ lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, đã và đang góp phần làm đẹp và phong phú cho di sản văn hóa dân tộc. Bảo tồn và phát huy giá trị của truyền thuyết dân gian Hùng Vương để truyền lại cho các thế hệ mai sau là trách nhiệm của mỗi chúng ta./

T.T.T.M

Tài liệu tham khảo:

- 1- Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
- 2- Vũ Kim Biên "Lễ hội Đền Hùng xưa" - Thành phố Việt Trì, Nxb. Hội nhà văn, 1992.
- 3- Vũ Kim Biên, Văn hiến làng xã vùng Đất Tổ Hùng Vương, Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hoá Việt Nam, 1999.
- 4- Phạm Khiêm - Tuyết Hạnh, Đền Hùng và Bảo tàng Hùng Vương, Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao Phú Thọ, 2000.
- 5- Phạm Khiêm, Đền Hùng - Di tích và cảnh quan, Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao Phú Thọ, 2000.
- 6- Trần Quốc Vượng "Vị thế địa văn hóa vùng Đất Tổ" - Kinh đô Văn Lang, Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao Vĩnh Phú, 1996.
- 7- Sở Văn hoá, Thông tin Vĩnh Phú, Kinh đô Văn Lang, 1995.
- 8- Sở Văn hoá, Thông tin và Thể thao Phú Thọ, Di tích và danh thắng vùng Đất Tổ, 1998.
- 9- Sở Văn hoá, Thông tin và Thể thao Vĩnh Phú, Văn nghệ dân gian, 1994.
- 10- Sở Văn hoá, Thông tin và Thể thao Phú Thọ, Văn nghệ dân gian Phú Thọ, 1999.
- 11- Sở Văn hoá, Thông tin và Thể thao Phú Thọ, Văn nghệ dân gian Đất Tổ, 2000.
- 12- Sở Văn hoá, Thông tin và Thể thao Phú Thọ - Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ, Tổng tập văn nghệ dân gian Đất Tổ, tập 1, 2000.
- 13- Sở Văn hoá, Thông tin và Thể thao Phú Thọ - Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ, Tổng tập văn nghệ dân gian Đất Tổ, tập 2, 2000.
- 14- Sở Văn hoá, Thông tin và Thể thao Phú Thọ - Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ, Lễ hội truyền thống vùng Đất Tổ, Phú Thọ, 2006.